

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 68/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 9 - 2017
V/v ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Thái Thị Mỹ

+ Ông Trần Trục

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 263/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐXX-ST ngày 01/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng O, sinh năm 1998

Địa chỉ nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: **Số 4, thôn T, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.**

Địa chỉ tạm trú: **Thôn 2, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.**

- Bị đơn: Ông Lê Sơn T, sinh năm 1994

Địa chỉ: **Số 4, thôn T, xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/7/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng O trình bày: Bà O và ông Lê Sơn T tự nguyện ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã L. Trong thời gian chung sống, cuộc sống chung luôn có mâu thuẫn do ông T hay uống rượu, về nhà chửi mắng, đánh đập bà O nên hai bên luôn xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Nay bà O xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà O và ông T có 01 con chung là Lê Nguyễn Khánh L - sinh ngày 30/4/2016, bà O yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung: Bà O xác định giữa bà và ông T có chung số vàng cưới là 10 chỉ vàng y, bà O đồng ý chia số vàng trên, mỗi bên nhận $\frac{1}{2}$. Do số vàng trên bà O đang giữ nên bà O đồng ý trả lại cho ông T 05 chỉ vàng y nhưng hiện nay bà O đang khó khăn, bà O xin trả số vàng trên cho ông T trong thời hạn 02 năm.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Sơn T trình bày: Ông T cũng thống nhất như ý kiến của bà O về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Nay tình cảm giữa ông và bà O không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên ông T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T xác định ông và bà O có 01 con chung là Lê Nguyễn Khánh L - sinh ngày 30/4/2016, ông T đồng ý giao con chung cho bà O nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu bà O không nuôi con được thì giao cháu L cho ông T nuôi, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông T có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là 10 chỉ vàng y do dòng họ hai bên cho khi cưới, hiện số vàng trên bà O đang giữ nên bà O trả lại cho ông T 05 chỉ vàng y và phải thanh toán ngay cho ông T.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà O và ông T vẫn giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân, nợ chung; riêng vấn đề nuôi con chung: Bà O và ông T thỏa thuận với nhau giao cháu L cho bà O trực tiếp nuôi, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Bà O và ông T đều xác định có số vàng cưới 10 chỉ vàng y (là nhẫn, vòng kiềng, loại 18K) của dòng họ hai bên cho khi cưới, về việc chia số vàng trên, ông T yêu cầu bà O là người đang giữ số vàng, phải trả cho ông T 05 chỉ vàng y trong thời hạn 03 tháng, nếu bà O không đồng ý thì yêu cầu Tòa buộc bà O phải thanh toán ngay số vàng trên cho ông T; bà O đồng ý trả lại số vàng trên cho ông T nhưng trong thời hạn 02 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng O và ông Lê Sơn T tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà O và ông T luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tại Tòa, bà O và ông T đều xác định không còn tình cảm với nhau, cả hai đều thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn giữa bà O và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà O và ông T.

[2] Về con chung: Bà O và ông T đều xác định có 01 con chung là Lê Nguyễn Khánh L - sinh ngày 30/4/2016, hai bên đều thống nhất giao cháu L cho bà O nuôi dưỡng, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Xét sự thỏa thuận trên của bà O và

ông T là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà O và ông T, giao cháu L cho bà O nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017.

[3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, ông T và bà O đều xác định có 10 chỉ vàng y (là nhẫn, vòng kiềng loại 18K) do dòng họ hai bên cho khi cưới, hai bên thống nhất chia số vàng trên, mỗi bên nhận $\frac{1}{2}$ số vàng. Do 10 chỉ vàng bà O đang giữ, bà O đồng ý trả lại cho ông T 05 chỉ vàng trong thời hạn 02 năm nhưng ông T không chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện bà O là người đang quản lý, nắm giữ toàn bộ số tài sản chung trên, nay bà O và ông T ly hôn, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông T liên quan đến tài sản của vợ chồng khi ly hôn, do đó cần buộc bà O trả ngay cho ông T 05 chỉ vàng y (loại 18K) phần tài sản của T trong khối tài sản chung với bà O.

[4] Về nợ chung: Bà O và ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà O phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản chung được chia theo quy định của pháp luật, cụ thể 01 chỉ vàng y (loại 18K) tại thời điểm xét xử ngày 13/9/2017 có giá là 3.457.000đ. Do đó, 05 chỉ vàng sẽ là : $05 \times 3.457.000đ = 17.285.000đ$ nên án phí phải chịu là $17.285.000đ \times 5\% = 864.250đ$.

Ông T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và 864.250đ án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản chung được chia theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51; Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hồng O và ông Lê Sơn T.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Lê Nguyễn Khánh L - sinh ngày 30/4/2016**; ông Lê Sơn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Lê Sơn T, chia $\frac{1}{2}$ số vàng 10 (*Mười*) chỉ vàng y (loại 18K), ông T và bà O mỗi người được nhận 05 (*Năm*) chỉ vàng y (loại 18K).

Bà Nguyễn Thị Hồng O phải thanh toán cho ông Lê Sơn T 05 (Năm) chỉ vàng y (loại 18K) phần tài sản của ông T mà bà O đang quản lý, nắm giữ.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng O phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị Hồng O đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018212 ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa; bà O đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng O phải nộp 864.250đ (*Tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về giá trị tài sản chung được nhận.

Ông Lê Sơn T phải nộp 1.164.250đ (*Một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (gồm án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và án phí về giá trị tài sản chung được nhận) nhưng được trừ vào 900.000đ (*Chín trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018283 ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Ông T còn phải nộp 264.250đ (*Hai trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

[5.1] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5.2] Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND xã L
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:

XỬ

- TAND tỉnh Khánh Hòa;

tòa

- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Ngọc Lệ